

Số: 1408 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 22 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do GPMB công trình Khu tái định cư phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tiểu dự án Xây dựng các khu tái định cư, dự án thành phần Tuyến đường từ Quốc lộ 19C kết nối cảng Quy Nhơn thuộc dự án Phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019, Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019, Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 và Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tiểu dự án Xây dựng các khu tái định cư, dự án thành phần Tuyến đường từ Quốc lộ 19C kết nối cảng Quy Nhơn thuộc dự án Phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 438/TTr-STNMT ngày 16/4/2024 và đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thành phần Tuyến đường từ Quốc lộ 19C kết nối cảng Quy Nhơn của dự án Phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định tại Văn bản số 02/TTr-HĐBT ngày 12/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về mồ mả cho các hộ gia đình, cá nhân do GPMB để thực hiện công trình Khu tái định cư phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tiểu dự án Xây dựng các khu tái định cư, dự án thành phần Tuyến đường từ Quốc lộ 19C kết nối cảng Quy Nhơn thuộc dự án Phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định, với nội dung chính như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng (2%) là 626.762.000 đồng (Sáu trăm hai mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng), trong đó:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 614.473.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB (2%): 12.289.000 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn ngân sách tỉnh.

Điều 2. Ban QLDA Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị và các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có liên quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19 (M12b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DO GPMB CÔNG TRÌNH KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHƯỜNG NHƠN PHÚ, THÀNH PHỐ QUY NHƠN,
TIỂU DỰ ÁN XÂY DỰNG CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ, DỰ ÁN THÀNH PHẦN TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 19C KẾT NỐI CẢNG QUY NHƠN
THUỘC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN TÍCH HỢP THÍCH ỨNG - TỈNH BÌNH ĐỊNH (ĐỢT 01)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số liệu đo đạc phục vụ GPMB				Diện tích thu hồi (m2)	Số lượng mộ bị ảnh hưởng		Số thửa			Bồi thường về đất	Bồi thường về cây trồng	Bồi thường về mồ mả	Hỗ trợ di chuyển mồ mả	Tổng cộng
			Mảnh trích đo	Số thửa	Diện tích thửa đất (m2)	Loại đất		Mộ đất	Mộ xây	Gò Đình	Gò Phường	Thửa đất khác					
1	UBND phường Nhơn Phú	KP 6, P. Nhơn Phú	TD01-2024	3, 38, 62, 65	4.891,1	NTD	1.764,0						0				0
2	Nguyễn Văn Hơ	Tổ 1, KP 2, P. Nhơn Phú												2.340.000			2.340.000
3	Đỗ Thị Thu	Tổ 1, KP 3, P. Nhơn Phú												441.000			441.000
4	Trần Văn Danh đại diện kê khai	Tổ 1, KP 3, P. Nhơn Phú						7		19, 34, 37	97, 98, 169, 170				17.500.000	4.520.000	22.020.000
5	Nguyễn Văn Thân đại diện kê khai	Thôn An Long 1, xã Canh Vinh, huyện Văn Canh						4		56b, 57, 58, 59					10.200.000	2.000.000	12.200.000
6	Nguyễn Văn Hiền đại diện kê khai	Tổ 1, KP 3, P. Nhơn Phú						13		1b, 2b, 3b, 4, 6b, 18b, 38b, 39b, 40b, 41b, 48b, 49b, 50b					34.900.000	8.710.000	43.610.000
7	Nguyễn Văn Điệp đại diện kê khai	Tổ 1, KP 3, P. Nhơn Phú						11		24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 45, 134					27.500.000	7.370.000	34.870.000
8	Lê Văn Phùng đại diện kê khai	Tổ 1, KP 3, P. Nhơn Phú						3		46b, 129, 168					7.700.000	2.010.000	9.710.000
9	Trần Viết Trinh đại diện kê khai	Tổ 1, KP 3, P. Nhơn Phú						2		121, 167					5.000.000	1.000.000	6.000.000
10	Hồ Minh Thế đại diện kê khai	Tổ 1, KP 3, P. Nhơn Phú						48		5, 7, 8, 9, 47, 51, 52, 53, 54, 55, 60, 175	61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 105, 106, 107, 108, 176	122, 123, 124, 125, 126, 127, 174			120.000.000	24.000.000	144.000.000
11	Đỗ Đình Hoà đại diện kê khai	Tổ 1, KP 3, P. Nhơn Phú						21		11b, 12b, 13b, 14b, 15b, 16, 17b, 20b, 21b, 22b, 23b, 33b, 35b, 36b, 42b, 118b, 120b	99b, 100, 103b, 166				56.100.000	14.070.000	70.170.000

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số liệu đo đạc phục vụ GPMB				Diện tích thu hồi (m2)	Số lượng mộ bị ảnh hưởng		Số thẻ			Bồi thường về đất	Bồi thường về cây trồng	Bồi thường về mồ mã	Hỗ trợ di chuyển mồ mã	Tổng cộng
			Mảnh trích đo	Số thửa	Diện tích thửa đất (m2)	Loại đất		Mộ đất	Mộ xây	Gò Đình	Gò Phường	Thửa đất khác					
12	Lê Xuân Đào đại diện kê khai	Tổ 1, KP 3, P. Nhơn Phú						1	10						4.531.000	500.000	5.031.000
13	Nguyễn Danh Trí đại diện kê khai	Tổ 2, KP 3, P. Nhơn Phú						2		117, 119					12.972.000	1.000.000	13.972.000
14	Huỳnh Kim Chương đại diện kê khai	Tổ 1, KP 3, P. Nhơn Phú						15	2	87b, 90b, 95, 96, 109b, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 146, 152, 153, 154, 155b					47.362.000	11.390.000	58.752.000
15	Nguyễn Ngọc Dũng đại diện kê khai	Tổ 2, KP 3, P. Nhơn Phú						6		80, 88, 89, 101, 102, 104					15.000.000	4.020.000	19.020.000
16	Nguyễn Lịch đại diện kê khai	Tổ 1, KP 3, P. Nhơn Phú							1			128			13.366.450	670.000	14.036.450
17	Lê Văn Phương đại diện kê khai	Tổ 1, KP 3, P. Nhơn Phú						6		43, 44b, 130b, 131b, 132b, 133					15.800.000	4.020.000	19.820.000
18	Trương Công Khái đại diện kê khai	Tổ 1, KP 3, P. Nhơn Phú						21		79, 91, 92, 93, 94, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 141, 142b, 143, 144, 145, 147, 148, 149, 150, 151					52.700.000	10.500.000	63.200.000
19	Dương Hùng đại diện kê khai	Tổ 1, KP 3, P. Nhơn Phú						2		156, 157					5.000.000	1.000.000	6.000.000
20	Trần Minh Cảnh đại diện kê khai	Tổ 8, KP 4, P. Nhơn Phú						1	4			158, 159, 160, 161, 177			20.624.000	3.350.000	23.974.000
21	Đỗ Đình Đông đại diện kê khai	Tổ 1, KP 3, P. Nhơn Phú						5				163, 164, 171, 172, 173			15.392.120	3.010.000	18.402.120
22	Nguyễn Dư đại diện kê khai	Thôn Phổ Trạch, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước						1		162					2.700.000	500.000	3.200.000
23	Nguyễn Minh Nhân đại diện kê khai	Tổ 9, KP 5, P. Bùi Thị Xuân							1	165					23.204.440	500.000	23.704.440
A	TỔNG CỘNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ				4.891,1		1.764,0	166	11				0	2.781.000	507.552.010	104.140.000	614.473.000
B	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, GPMB (2%)																12.289.000
TỔNG CỘNG (A+B)																	626.762.000